

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KHÁNH HÒA Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày 17-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM- TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa : - Ông Trần Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Quý Hùng

- Bà Đoàn Huyền Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2016/TLST- DS ngày 16 tháng 11 năm 2016 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 15/01/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST-DS ngày 07/02/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-DS ngày 06/3/2018; Thông báo chuyển ngày xét xử số 90/2018/TB-TA ngày 21/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1962

- Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1964

Cùng cư trú: Số 01 Ngô Thời Nhiệm, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Bà N ủy quyền cho ông C theo giấy ủy quyền ngày 15 tháng 12 năm 2016 (ông C có mặt; bà N vắng mặt)

2. *Bị đơn*: - Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1970

- Bà Nguyễn Thị Cẩm N.1

Cùng cư trú: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (ông D vắng mặt; bà N.1 vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1934; cư trú tại: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2016 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Hồng N và đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày:

Năm 2005 cần vốn làm ăn nên vợ chồng ông Nguyễn Đức Đ bà Nguyễn Thị Cẩm N.1 đến gặp vợ chồng ông Nguyễn Ngọc C bà Nguyễn Thị Hồng N để hỏi vay số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Hai bên có lập giấy vay tiền ngày 24 tháng 10 năm 2005. Vợ chồng ông Đ bà N cam kết trả mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ ngày viết giấy vay. Để tạo niềm tin, vợ chồng ông Đ bà N.1 đã giao cho vợ chồng ông C bà N giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 720904, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00276/QSDĐ/SC-DK ngày 28/7/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh cấp cho hộ ông Nguyễn Đức V. Sau khi nhận số tiền 15.000.000 đồng, ông Đ bà N.1 không trả tiền như đã cam kết.

Nay ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm N.1 phải trả số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng và không yêu cầu trả lãi. Khi nhận đủ số tiền 15.000.000 đồng ông C, bà N sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà N.1.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 9 năm 2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức V trình bày:*

Sự việc ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm N.1 vay mượn tiền của ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Hồng N như thế nào thì ông Nguyễn Đức V không biết. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 720904, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00276/QSDĐ/SC-DK ngày 28/7/1997 Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh cấp cho hộ ông Nguyễn Đức V, ông Đ tự ý lấy đi giao cho ông C, bà N ông V không biết. Ông V đề nghị được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ đã giao cho ông C, bà N.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm N.1 phải trả 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng cho ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Hồng N.

- Ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Hồng N trả ông Nguyễn Đức V 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) số I 720904, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00276/QSDĐ/SC-DK do Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh cấp ngày 28/7/1997 cho ông Nguyễn Đức V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo biên bản xác minh ngày 01 tháng 12 năm 2016, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm N.1 có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Từ năm 2007 ông Đ, bà N.1 đã đi khỏi nơi cư trú không báo với chính quyền địa phương; ông Đ, bà N.1 thay đổi nơi cư trú không thông báo cho ông C, bà N biết. Theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc trường hợp cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm N.1, ông Nguyễn Đức V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên tòa ngày 07/02/2017, ngày 06/03/2017 và ngày 17/5/2018 nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm N.1 có xác lập giao dịch dân sự về vay mượn tiền nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm N.1 vay mượn tiền của Ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Hồng N 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Việc vay tiền được nguyên đơn chứng minh bằng giấy mượn tiền lập ngày 24 tháng 10 năm 2005; không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Đ, bà N.1 đã trả số tiền 15.000.000 đồng cho ông C bà N. Như vậy, ông C, bà N khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà N.1 phải trả số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Ông Đ, bà N.1 giao cho ông C, bà N giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 720904, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00276/QSDD/SC-DK ngày 28/7/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh cấp cho hộ ông Nguyễn Đức V với mục đích là để làm tin. Xét, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ ông Nguyễn Đức V, khi ông Đ giao cho ông C, bà N cầm giữ chưa được sự đồng ý của ông V nên phần giao dịch này là trái với quy định của pháp luật, vì vậy bị vô hiệu theo quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005. Buộc ông C, bà N phải trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 720904, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00276/QSDD/SC-DK do Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh cấp ngày 28/7/1997 cho ông Nguyễn Đức V.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân; các Điều 128, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Buộc ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm N.1 phải trả 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng cho ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Hồng N.

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Hồng N trả ông Nguyễn Đức V 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) số I 720904, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00276/QSDD/SC-DK do Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh cấp ngày 28/7/1997 cho ông Nguyễn Đức V.

Về án phí: Ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm N.1 chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Hồng N 375.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2012/0002544 ngày 15/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Quy định: Kể từ ngày ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị Cẩm N.1 chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi Cục THADS huyện Cam Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phi